



Original Article

Implementation of Vocational Training Policy for Children with Autism Spectrum Disorder in Hanoi City: Current Situation and Policy Implications

Dang Kim Khanh Ly^{1,*} Nguyen Thi Kim Hoa²

¹*Faculty of Sociology and Social Work, VNU University of Social Science and Humanities,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

²*Vietnam Sociological Association, 27 Tran Xuan Soan, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam*

Received 29th June 2026

Revised 11th August 2026; Accepted 10th September 2026

Abstract: Vocational training plays a crucial role in developing occupational skills, independent living capacity, and social integration among children with autism spectrum disorder (ASD). Although Vietnam has issued numerous relevant policies, the implementation of vocational training policy for children with ASD in Hanoi remains limited. This article analyses the current state of policy implementation based on a study conducted at three vocational education and training centres in Hanoi. The findings indicate that, despite considerable efforts by these centres to organize training and support children in developing occupational skills, the policy framework still lacks specificity; the resources and implementation capacity of training institutions remain limited; and coordination among families, training institutions, enterprises, and other stakeholders in training delivery and employment linkage has yet to become systematic. On this basis, the article proposes three groups of solutions: i) Refining the policy framework to be more coherent, specialized, and responsive to the needs of children with ASD; ii) Strengthening implementation capacity through workforce development, curriculum innovation, and enhanced resources and vocational training services; and iii) Reinforcing interdisciplinary coordination and promoting the engagement of families, enterprises, and communities. These solutions are expected to improve the effectiveness of policy implementation, expand vocational training and employment opportunities, and foster sustainable independent living and social integration for children with autism spectrum disorder.

Keywords: Autism Spectrum Disorder, vocational training, vocational education, social policy.

* Corresponding author.

E-mail address: dangkimkhanhly@ussh.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4656>

Thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở thành phố Hà Nội: thực trạng và hàm ý chính sách

Đặng Kim Khánh Ly^{1,*} Nguyễn Thị Kim Hoa²

¹*Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

²*Hội Xã hội học Việt Nam, 27 Trần Xuân Soạn, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 6 năm 2026

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2026

Tóm tắt: Đào tạo nghề có vai trò quan trọng trong phát triển kỹ năng nghề nghiệp, khả năng sống độc lập và hòa nhập xã hội của trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách liên quan, việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại Hà Nội vẫn còn những khó khăn nhất định. Bài viết phân tích thực trạng thực hiện chính sách này dựa trên nghiên cứu tại 03 trung tâm giáo dục và đào tạo nghề trên địa bàn Hà Nội. Kết quả cho thấy, các trung tâm đã nỗ lực tổ chức đào tạo và hỗ trợ trẻ phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, chính sách còn thiếu tính chuyên biệt, nguồn lực và năng lực thực thi của các cơ sở còn hạn chế, sự phối hợp giữa gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và các bên liên quan trong đào tạo, kết nối việc làm chưa mang tính hệ thống. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất ba nhóm giải pháp: (i) hoàn thiện chính sách theo hướng đồng bộ, chuyên biệt và phù hợp với nhu cầu của trẻ; (ii) nâng cao năng lực thực thi thông qua phát triển đội ngũ, đổi mới chương trình, tăng cường nguồn lực và dịch vụ đào tạo nghề; và (iii) tăng cường phối hợp liên ngành, thúc đẩy sự tham gia của gia đình, doanh nghiệp và cộng đồng. Các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, mở rộng cơ hội học nghề và việc làm, hướng tới cuộc sống độc lập và hòa nhập xã hội bền vững.

Từ khóa: Trẻ rối loạn phổ tự kỷ, đào tạo nghề, giáo dục nghề nghiệp, chính sách xã hội

1. Mở đầu

Rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) đang trở thành một trong những vấn đề xã hội và sức khỏe cộng đồng được quan tâm trên phạm vi toàn cầu. Theo Tổ chức Y tế thế giới, RLPTK là một nhóm đa dạng các tình trạng liên quan đến sự phát triển của não bộ, được đặc trưng bởi những khó khăn nhất định trong tương tác xã hội cùng với các mô thức hành vi và hoạt động không điển hình [1]. Người RLPTK thường gặp khó khăn trong việc hòa nhập xã hội, học tập và tham gia thị trường

lao động. Theo nghiên cứu của Wong và cộng sự, tỷ lệ trẻ RLPTK ngày càng tăng và kéo theo nhiều thách thức về giáo dục, chăm sóc và hòa nhập xã hội.[2]

Từ góc độ xã hội, Nguyễn Hồi Loan và Trần Thu Hương cho rằng trẻ RLPTK không chỉ là vấn đề y học mà còn là vấn đề xã hội cần có sự tham gia hỗ trợ của gia đình, nhà trường và cộng đồng nhằm giúp trẻ thích ứng và hòa nhập trong cuộc sống [3]. Song, phần lớn các hoạt động hỗ trợ trẻ RLPTK hiện nay vẫn chủ yếu tập trung vào can thiệp sớm, phục hồi chức năng và giáo

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: dangkimkhanhly@ussh.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4656>

dục hòa nhập ở lứa tuổi nhỏ, trong khi các chính sách đào tạo nghề cho trẻ RLPTK ở độ tuổi vị thành niên và trưởng thành còn thiếu vắng.

Đào tạo nghề có vai trò quan trọng đối với trẻ RLPTK, bởi đây không chỉ là quá trình hỗ trợ cá nhân nhận thức về năng lực, đặc điểm tâm lý của bản thân và nhu cầu của xã hội để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, mà còn là quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, hỗ trợ và thực hành nghề nhằm giúp trẻ phát triển năng lực nghề phù hợp, tăng tính tự lập, cải thiện chất lượng cuộc sống và giảm gánh nặng cho gia đình. Theo Rivard và cộng sự, gia đình có trẻ RLPTK thường chịu áp lực lớn về tâm lý, kinh tế và chăm sóc lâu dài [4]. Do đó, việc trẻ có khả năng lao động, tham gia xã hội sẽ góp phần giảm căng thẳng và tăng sự ổn định cho gia đình. Tuy nhiên, xã hội vẫn tồn tại định kiến cho rằng trẻ RLPTK không có khả năng học nghề hoặc làm việc độc lập, dẫn đến hạn chế trong việc xây dựng các mô hình đào tạo phù hợp và tạo việc làm cho nhóm đối tượng này.

Mặc dù, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến người khuyết tật, song những chính sách quy định chi tiết đào tạo nghề đối với trẻ RLPTK vẫn còn những khoảng trống hoặc nếu có đề cập thì vẫn có những tồn tại trong triển khai. Những vấn đề này không chỉ xuất phát từ khoảng trống của chính sách mà còn liên quan đến năng lực thực hiện của các cơ sở đào tạo và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia thực hiện chính sách.

Thành phố Hà Nội là địa phương có số lượng cơ sở giáo dục đặc biệt và trung tâm hỗ trợ trẻ RLPTK tương đối lớn. Gần đây, một số trung tâm đã bắt đầu triển khai các hoạt động đào tạo nghề như làm bánh, thủ công, pha chế, tin học hoặc kỹ năng nghề đơn giản cho trẻ RLPTK. Tuy nhiên, các hoạt động này còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, thiếu hệ thống và chưa nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ chính sách. Hệ thống pháp luật hiện hành như Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH hay Chỉ thị số 23/CT-TTg mới chủ yếu tập trung vào trợ giúp xã hội và xác định mức độ khuyết tật, chưa có những quy định cụ thể về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho trẻ RLPTK [5-7]. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên còn thiếu về số lượng

và hạn chế về chuyên môn, cơ sở vật chất, giáo trình và phương pháp đào tạo. Sự phối hợp giữa gia đình, trung tâm đào tạo, doanh nghiệp còn thiếu đồng bộ. Thông qua khảo sát 03 cơ sở giáo dục và hướng nghiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ và phân tích các chính sách liên quan đến người khuyết tật, bài viết “*Thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội: Thực trạng và hàm ý chính sách*” sẽ phân tích thực trạng thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ RLPTK, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, tạo điều kiện để trẻ RLPTK phát triển năng lực tự lập và hòa nhập xã hội bền vững.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài “*Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ*” thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, do PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa làm chủ nhiệm năm 2024. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất, có chủ đích tại 03 trung tâm đào tạo nghề cho trẻ RLPTK tại thành phố Hà Nội (Trung tâm SEED, Trung tâm giáo dục đặc biệt Yên Nghĩa, Trung tâm Ngọc Ân). Ba trung tâm được lựa chọn theo tiêu chí có tổ chức đào tạo nghề cho trẻ RLPTK, người tham gia đáp ứng tiêu chí tự nguyện. Cụ thể, nghiên cứu thực hiện phỏng vấn bảng hỏi 90 phụ huynh có con RLPTK, phỏng vấn sâu 29 trường hợp (01 cán bộ Cục bảo trợ xã hội, 03 lãnh đạo Trung tâm, 8 phụ huynh, 10 giáo viên, và 07 học sinh). Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu là các chính sách của Việt Nam có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

3. Thực trạng thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội

Kết quả khảo sát 90 phụ huynh kết hợp với 29 cuộc phỏng vấn sâu và phân tích các chính sách liên quan chỉ ra rằng việc thực hiện chính

sách đào tạo nghề cho trẻ RLPTK đã có những tín hiệu tích cực về tăng cơ hội phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, quá trình triển khai chính sách còn có những khoảng trống của chính sách, năng lực tổ chức thực hiện của các cơ sở đào tạo và cơ chế phối hợp giữa gia đình, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Trên cơ sở định hướng nghiên cứu của bài viết, thực trạng thực hiện chính sách đào tạo nghề được phân tích theo ba nhóm nội dung: quá trình phát triển của hệ thống chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho người khuyết tật; năng lực thực hiện chính sách của các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ; và sự phối hợp giữa các chủ thể trong quá trình thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ RLPTK.

3.1. Quá trình phát triển của những chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho người khuyết tật

Trong những năm gần đây, Việt Nam quan tâm hơn đến công tác chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ người khuyết tật nói chung, trẻ RLPTK nói riêng. Hệ thống chính sách về người khuyết tật từng bước được hoàn thiện theo hướng tiếp cận dựa trên quyền con người, tăng cường cơ hội hòa nhập xã hội và phát triển sinh kế bền vững. Chính sách này đã giữ vai trò định hướng và tạo khuôn khổ pháp lý cho việc tổ chức các hoạt động đào tạo nghề đối với trẻ RLPTK. Kết quả phân tích các văn bản cho thấy Việt Nam đã từng bước hình thành hệ thống chính sách hỗ trợ người khuyết tật trên các lĩnh vực trợ giúp xã hội, giáo dục hòa nhập, phục hồi chức năng và giáo dục nghề nghiệp. Các quy định trong Luật Người khuyết tật năm 2010 [8] và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền được học tập, học nghề và tham gia đời sống xã hội của người khuyết tật. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng khẳng định quyền học tập, học nghề, việc làm và hòa nhập xã hội của người khuyết tật. Luật quy định, Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện để người khuyết tật được tư vấn học nghề, đào tạo nghề và tạo việc làm phù hợp với khả năng, nhu cầu của bản thân. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng để triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hướng nghiệp cho trẻ RLPTK trong thời gian qua.

Sau đó, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 quy định trực tiếp về tổ chức và hoạt động giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam, áp dụng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Luật khẳng định mọi công dân đều có quyền tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, trong đó người khuyết tật thuộc nhóm được Nhà nước ưu tiên trong tiếp cận dịch vụ giáo dục nghề nghiệp. Luật quy định cơ sở giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện để người khuyết tật được học nghề phù hợp với khả năng, đồng thời Nhà nước có chính sách miễn, giảm học phí, học bổng, hỗ trợ chi phí học tập và đầu tư cơ sở vật chất nhằm bảo đảm cơ hội học nghề bình đẳng cho người khuyết tật [9]. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các chương trình đào tạo nghề cho người khuyết tật.

Tiếp đến, Bộ luật Lao động năm 2019 không điều chỉnh hoạt động đào tạo nghề, nhưng là cơ sở pháp lý quan trọng cho giai đoạn sau đào tạo, tức là bảo đảm quyền tiếp cận việc làm của người khuyết tật. Bộ luật quy định người khuyết tật được đối xử bình đẳng trong tuyển dụng, sử dụng lao động, đào tạo, tiền lương và điều kiện làm việc, nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử vì lý do khuyết tật. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động là người khuyết tật và có chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động tạo việc làm phù hợp [10]. Những quy định này tạo nên sự liên kết giữa đào tạo nghề, chuyển tiếp sang việc làm, hòa nhập thị trường lao động.

Sau khi Luật Giáo dục nghề nghiệp được ban hành, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó, đáng chú ý là Nghị định 15/2019/NĐ-CP quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp, làm rõ điều kiện tổ chức đào tạo, quyền và trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, góp phần tạo hành lang pháp lý để các cơ sở triển khai đào tạo cho các nhóm yếu thế, trong đó có người khuyết tật [11]. Một số thông tư của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trước đây hướng dẫn về tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và quản lý hoạt động giáo dục

nghề nghiệp đã cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ người học thuộc đối tượng ưu tiên, bao gồm người khuyết tật.

Đặc biệt, Quyết định số 1929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em RLPTK và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021–2030 đã thể hiện sự quan tâm rõ nét hơn của Nhà nước đối với nhóm trẻ RLPTK. Chương trình hướng tới mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, phục hồi chức năng và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho trẻ RLPTK. Đây được xem là một bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện chính sách dành cho người RLPTK tại Việt Nam [12].

Bên cạnh đó, Quyết định số 1190/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030 cũng nhấn mạnh nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm và phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật. Chính sách này tạo cơ sở quan trọng để phát triển các mô hình hướng nghiệp và đào tạo nghề dành cho trẻ RLPTK tại các đô thị lớn như Thành phố Hà Nội [13].

Trong lĩnh vực giáo dục, Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật đã bổ sung thêm hành lang pháp lý cho việc phát triển các mô hình giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập đối với trẻ RLPTK [14]. Đồng thời, Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT năm 2025 tiếp tục nhấn mạnh việc phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, tăng cường ứng dụng công nghệ và xây dựng các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập [15]. Đây là những định hướng có ý nghĩa quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho trẻ RLPTK trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tuy vậy, quy định chi tiết đối với đào tạo nghề cho trẻ RLPTK còn những khoảng trống và chủ yếu tiếp cận theo nhóm người khuyết tật nói chung, chưa có các hướng dẫn chuyên biệt về đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ chuyển tiếp từ giáo dục nghề nghiệp sang kết nối việc làm hay có cơ chế cụ thể trong kết nối với doanh nghiệp việc

làm sau đào tạo nghề. Điều này dẫn đến việc các trung tâm đào tạo nghề đang chủ động xây dựng chương trình và tổ chức hoạt động dựa vào kinh nghiệm và nguồn lực sẵn có. Cụ thể, Luật Người khuyết tật năm 2010 chỉ nêu rằng "*cơ sở dạy nghề có trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận nghề đào tạo,...*" và quy định cơ sở dạy nghề phải bảo đảm điều kiện dạy nghề cho người khuyết tật [8]. Hoặc trong Luật chỉ nêu các hoạt động tư vấn việc làm miễn phí, tổ chức giới thiệu việc làm có trách nhiệm tư vấn học nghề, vay vốn ưu đãi để tự tạo việc làm cho người khuyết tật song để thực hiện được những hoạt động này thì thực tế còn khó khăn trong triển khai. Thêm vào đó, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội cũng chỉ tập trung quy định nhiều nội dung hỗ trợ người khuyết tật tại cộng đồng, bao gồm trợ cấp xã hội, chăm sóc và hỗ trợ phục hồi chức năng [5]. Tiếp đến, Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH về xác định mức độ khuyết tật tập trung vào tiêu chí xác định mức độ khuyết tật, hồ sơ, quy trình, biểu mẫu và trách nhiệm của hội đồng xác định mức độ khuyết tật chứ không quy định trực tiếp về đào tạo nghề [6].

Nhìn chung, hệ thống chính sách hiện hành vẫn tập trung nhiều vào hỗ trợ bảo trợ xã hội, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập, trong khi các chính sách chuyên biệt về đào tạo nghề và tạo việc làm cho trẻ RLPTK sau độ tuổi đi học bước đầu có đề cập nhưng còn thiếu sự liên kết, chưa rõ cơ chế hỗ trợ cho các trung tâm đào tạo nghề, doanh nghiệp sử dụng lao động RLPTK hoặc các chương trình đào tạo nghề chuyên biệt dành cho người RLPTK. Hạn chế nổi bật trong thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ RLPTK còn ở khoảng cách giữa khuôn khổ chính sách và yêu cầu thực tiễn của tổ chức thực hiện.

3.2. Năng lực thực hiện chính sách đào tạo nghề của các bên liên quan

Nếu khuôn khổ chính sách tạo ra định hướng cho hoạt động đào tạo nghề thì năng lực của các cơ sở triển khai chính là yếu tố quyết định mức độ hiện thực hóa các mục tiêu của chính sách. Kết quả nghiên cứu cho thấy các trung tâm giáo dục trẻ RLPTK trong nghiên cứu đã có nỗ lực

trong tổ chức các hoạt động đào tạo nghề. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn hạn chế ở chương trình đào tạo, đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất và khả năng huy động nguồn lực.

3.2.1. Chương trình đào tạo nghề còn thiếu tính hệ thống và cá nhân hóa

Một trong những phát hiện của nghiên cứu là chương trình đào tạo nghề tại các trung tâm hiện nay chưa xây dựng theo một khung thống nhất và chưa bảo đảm tính liên thông giữa định hướng nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng và chuẩn bị việc làm.

Bảng 1. Quan điểm của phụ huynh về các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho trẻ tự kỷ, trung tâm và giáo viên hỗ trợ

STT	Các giải pháp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cải tiến chương trình nội dung.	39	43,3
2	Cải tiến phương pháp dạy học.	37	41,1
3	Nâng cao đội ngũ, chất lượng giáo viên.	35	38,9
4	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và học tập.	31	34,4

Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ”, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, năm 2024.

Giải pháp “Cải tiến chương trình nội dung” là giải pháp được phụ huynh lựa chọn với tỷ lệ cao nhất (43,3%). Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác đào tạo nghề cho trẻ RLPTK.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy nhiều cơ sở đào tạo nghề gặp khó khăn trong quá trình triển khai do thiếu các hướng dẫn chuyên môn thống nhất. Vì vậy, nội dung đào tạo, phương thức tổ chức và phạm vi hỗ trợ của các trung tâm còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện nhân lực, tài chính và khả năng huy động nguồn lực xã hội của từng cơ sở.

“Đề xuất phương án cải tiến chương trình nội dung, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hiệu quả theo hướng tích hợp và theo năng lực thực hiện. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng

trực tiếp đến hiệu quả của công tác dạy nghề. Các trung tâm cần phối hợp, tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ sáng kiến kinh nghiệm, xây dựng nội dung chương trình đào tạo theo Mô-đun dựa theo Chương trình khung trình độ sơ cấp đã được Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội ban hành. Không coi nhẹ bất cứ một kỹ năng hay bộ môn nào cả. Tuy nhiên, tùy theo chất lượng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, các trung tâm mới có thể triển khai, nội dung, phương thức đào tạo một cách hiệu quả” (Nữ, Lãnh đạo trung tâm SEED).

Qua khảo sát và phỏng vấn sâu, các hoạt động đào tạo nghề đang tập trung vào việc hình thành các kỹ năng nghề đơn giản như làm bánh, thủ công mỹ nghệ, pha chế, bán hàng hoặc một số công việc phù hợp với khả năng của trẻ. Đây là những hoạt động có ý nghĩa trong việc phát triển kỹ năng tự lập và hình thành thói quen lao động. Tuy nhiên, các chương trình hiện nay chủ yếu được xây dựng trên kinh nghiệm của từng trung tâm, chưa có chuẩn chung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo thống nhất ở các cơ sở.

“Mỗi trung tâm lại là một chương trình giáo dục nghề khác nhau theo từng nhóm, đặc điểm và khả năng của trẻ theo học tại trung tâm. Hiện chưa có chuẩn chung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo. Hoạt động của trung tâm này được chia làm 2 mảng. Mảng thứ nhất chủ yếu đào tạo các kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và giao tiếp, vận động thô, vận động tinh. Còn với mảng dạy nghề, các em khi vào đây sẽ được các tham gia lớp học như là làm bánh, pha cà phê, làm các sản phẩm handmade như bưu thiếp, túi đựng đồ hay các vật trang trí bằng vải, ... Việc chia hoạt động, một mặt giúp các bạn có ý thức vận động, giảm các hành vi gây hại cho chính mình và với những người xung quanh, mặt khác để phục vụ cho nhu cầu đào tạo nghề. Với mỗi trẻ khi được đưa trung tâm để đào tạo thì trước tiên sẽ được sàng lọc, theo dõi và đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ với sự góp mặt của các nhà chuyên gia nhằm kiểm tra khả năng, trình độ của các bạn như nào, phù hợp với nghề nào và đưa vào các lớp đào tạo phù hợp.” (Nữ, Lãnh đạo trung tâm SEED).

Một điểm đáng chú ý khác là việc cá nhân hóa chương trình đào tạo còn gặp nhiều khó khăn. Do đặc điểm của trẻ RLPTK có sự khác biệt rất lớn về khả năng nhận thức, giao tiếp và thích ứng xã hội, việc áp dụng một chương trình chung khó đáp ứng nhu cầu của từng trẻ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều trung tâm chưa có đủ điều kiện về nhân lực và chuyên môn để xây dựng kế hoạch đào tạo cá nhân cho từng học viên. Nội dung đào tạo còn đơn giản và khó khăn bởi hạn chế về nhân lực và kinh phí. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát huy năng lực và định hướng nghề nghiệp cho trẻ.

Như vậy, cơ sở cơ sở đào tạo nghề cho trẻ RLPTK đang không chỉ là thiếu chương trình đào tạo mà còn là thiếu một khung chương trình linh hoạt để đáp ứng sự đa dạng về nhu cầu và năng lực của trẻ RLPTK.

“Để công tác đào tạo nghề trong những năm tới đạt kết quả cao hơn cần có chương trình đào tạo chuyên biệt hoặc giáo trình phù hợp với trẻ. Việc hỗ trợ trẻ tự kỷ phải xuất phát từ nhu cầu của chính trẻ, gia đình của trẻ tự kỷ phù hợp với đặc điểm tình hình của trẻ, khả năng tiếp thu, trình trạng mắc hội chứng, điều kiện gia đình, đồng thời phải có sự tác động dần đều giáo dục, tham vấn để trẻ cũng như gia đình trẻ tự nhận ra vấn đề, có nguyện vọng được giúp đỡ và mong muốn được giúp đỡ kịp thời thì kết quả mới có tính bền vững” (Nữ, giáo viên dạy nghề tại trung tâm SEED).

Như vậy, kết quả nghiên cứu phản ánh rõ nét về hạn chế của các chương trình đào tạo nghề tại các trung tâm giáo dục trẻ RLPTK hiện nay.

3.2.2. Đội ngũ giáo viên và cán bộ hỗ trợ

Kết quả nghiên cứu cho thấy đội ngũ giáo viên tại các trung tâm rất tâm huyết và nhiều kinh nghiệm trong giáo dục đặc biệt. Tuy nhiên, năng lực chuyên môn về xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho trẻ RLPTK vẫn hạn chế. Phần lớn giáo viên được đào tạo trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt hoặc mầm non, trong khi nội dung đào tạo nghề và kết nối việc làm cho trẻ sau đào tạo chưa được đầu tư.

“Ở trung tâm các cô giáo cũng rất nhiệt tình còn để mà nói giỏi thì cũng không khẳng định là

giỏi bởi vì là mỗi một trẻ là một cái khó khăn. Như bản thân tôi từ năm 2010 đến giờ học đủ các thể loại các khó khăn về dạy trẻ cũng như phương pháp hỗ trợ. Bản thân tôi cũng xuất phát từ môi trường mầm non sang môi trường giáo dục đặc biệt rồi sang môi trường tiểu học cũng trải qua các môi trường để cảm nhận các con như thế nào để đồng hành với các cô giáo cho tốt nhất. Tuy nhiên vẫn còn phải được đào tạo nhiều về giáo dục nghề” (Nữ, Lãnh đạo trung tâm YN).

Các cuộc phỏng vấn sâu cũng phản ánh rằng giáo viên thường phải tự tìm hiểu và tích lũy kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy. Việc thiếu các khóa đào tạo chuyên sâu, thiếu cơ hội trao đổi chuyên môn đã ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức các hoạt động đào tạo nghề tại các trung tâm.

“Cần phải tổ chức tập huấn cho các giáo viên trong trường về nội dung, phương pháp giáo dục, giảng dạy trẻ theo mô hình giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm về phương pháp giáo dục, giảng dạy trẻ tự kỷ, mời các chuyên gia ở tuyến trên về giúp đỡ, tập huấn, trao đổi thông tin, tổ chức các khóa học nâng cao trình độ cho giáo viên can thiệp. Cũng cần tổ chức, cung cấp dịch vụ tham vấn, tổ chức các chương trình, tập huấn, truyền thông, phổ biến nâng cao nhận thức cho giáo viên can thiệp trong nhà trường và các bậc phụ huynh” (Nữ, Giáo viên trung tâm NA).

Có thể thấy, các trung tâm đã đáp ứng những yêu cầu về đào tạo nghề cơ bản. Bản thân các giáo viên cũng thấy sự cần thiết phải có sự kết hợp và đào tạo chuyên môn với các chuyên gia để hỗ trợ đào tạo nghề tốt hơn cho trẻ RLPTK. Các trung tâm cần có những buổi đánh giá và tập huấn chuyên môn để thay đổi phương pháp cũng như đánh giá kỹ năng sự phạm tại các trung tâm. Tuy nhiên việc tiến hành những bước chuyên sâu, thậm chí cá nhân hóa cho từng học viên vẫn là một thách thức, vì vậy nâng cao đội ngũ và chất lượng đào tạo của giáo viên luôn là một yêu cầu cấp thiết.

3.2.3. Điều kiện cơ sở vật chất

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều trung tâm thiếu không gian thực hành, trang thiết bị và giáo

cụ chuyên biệt phù hợp với đặc điểm của RLPTK. Điều này làm hạn chế khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp trong môi trường gần với thực tế lao động.

Nguồn kinh phí dành cho đào tạo nghề chủ yếu dựa vào học phí của phụ huynh và sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội. Các cơ sở gặp khó khăn trong việc đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng chương trình đào tạo và duy trì các hoạt động đào tạo.

“Khi tham gia các chương trình đào tạo nghề cho trẻ thường đòi hỏi các chi phí khá cao. Các gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn sẽ gặp trở ngại trong việc chi trả, đặc biệt khi các chi phí này kéo dài trong nhiều năm. Đây cũng là một rào cản lớn đối với quyết định cho con đào tạo nghề. Gia đình khá giả, họ nộp kinh phí cho con cao hơn một chút, gia đình nghèo, họ nộp học phí và sinh hoạt phí mức tối thiểu. Trung tâm phải tự lo cơ sở vật chất và tự trang trải mọi chi phí.” (Nữ, Lãnh đạo trung tâm SEED).

“Với mức học phí 3 – 5 triệu/tháng thì chưa đáp ứng được công tác dạy nghề cho trẻ tự kỷ. Vì khó khăn cho công tác đầu tư vào cơ sở vật chất, chưa tạo được điều kiện tốt cho hoạt động học nghề của trẻ.” (Nữ, 51 tuổi, Giám đốc trung tâm YN).

3.3. Sự phối hợp giữa các chủ thể trong thực hiện chính sách đào tạo nghề

Nếu chính sách tạo ra khuôn khổ và các cơ sở đào tạo là chủ thể trực tiếp triển khai thì hiệu quả của quá trình thực hiện còn phụ thuộc rất lớn vào mức độ phối hợp giữa các chủ thể liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc đào tạo nghề cho trẻ RLPTK cần có sự tham gia và phối hợp của gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, đây cũng là nhóm nội dung bộc lộ nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách.

3.3.1. Yếu tố gia đình

Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu là gia đình đang được nhìn nhận như đối tượng thụ hưởng chính sách, trong khi vai trò của gia đình với tư cách là một chủ thể đồng thực hiện chính sách chưa được phát huy đầy đủ.

Kết quả cho thấy phần lớn cha mẹ đều nhận thức được ý nghĩa của đào tạo nghề đối với tương lai của con. Tuy nhiên, một bộ phận phụ huynh vẫn có tâm lý lo lắng, thiếu niềm tin vào khả năng học nghề và làm việc của trẻ, hoặc chưa có đủ thông tin để đồng hành cùng con trong quá trình đào tạo nghề. Nhiều gia đình tập trung vào can thiệp và giáo dục ở giai đoạn đầu nhưng chưa chuẩn bị sớm cho quá trình chuyển tiếp sang học nghề và việc làm.

“Có gia đình họ rất quan tâm nhưng cũng có gia đình họ băng đi vì cảm giác bất lực. Đối với các trẻ em nhỏ tuổi, thì họ hay đưa đi can thiệp hơn, vì họ hy vọng sự thay đổi ở trẻ nhiều hơn. Còn trẻ lớn rồi, họ biết là không thể thay đổi hoặc chữa trị được, nên nhiều người họ bỏ băng luôn.” (Nam, Giáo viên tại Trung tâm SEED).

“Một khó khăn trong việc đào tạo nghề, là phụ huynh không tin vào năng lực của các con. Trung tâm luôn muốn phụ huynh tin là con của họ làm được nhưng có những phụ huynh rất là tin, quan tâm, đồng hành cùng con, phối hợp với nhà trường để con tiến bộ hơn nhưng cũng có những phụ huynh họ “trăm sự nhờ các cô.” (Nữ, Giáo viên tại Trung tâm SEED).

Như vậy, từ góc độ thực hiện chính sách, điều này cho thấy cần chuyển từ cách tiếp cận coi gia đình là đối tượng hỗ trợ sang cách tiếp cận coi gia đình là đối tác trong quá trình thực hiện chính sách.

3.3.2. Sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp

Khoảng trống lớn nhất trong chuỗi thực hiện chính sách nằm ở giai đoạn chuyển tiếp từ đào tạo sang việc làm. Mặc dù, một số trung tâm đã tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và rèn luyện kỹ năng lao động cho trẻ, nhưng cơ hội để trẻ được thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp hoặc tiếp cận việc làm sau đào tạo còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu không phải do thiếu nhu cầu đào tạo mà do chưa hình thành cơ chế phối hợp ổn định giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Các cuộc phỏng vấn sâu phản ánh rằng hoạt động hợp tác hiện nay chủ yếu dựa trên mối quan hệ tự nguyện hoặc kết nối cá nhân của từng trung tâm, chưa có cơ chế chính sách đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp tham gia tiếp nhận, đào tạo

và sử dụng lao động là người RLPTK. Điều này cho thấy khoảng cách giữa đào tạo nghề và thị trường lao động vẫn là một trong những điểm nghẽn quan trọng nhất của quá trình thực hiện chính sách.

Một phát hiện khác của nghiên cứu là việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội còn thiếu tính hệ thống. Trong khi đào tạo nghề cho trẻ RLPTK là lĩnh vực có tính liên ngành cao, việc tổ chức thực hiện vẫn chủ yếu dựa vào nỗ lực riêng của từng đơn vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy chưa hình thành được cơ chế điều phối thống nhất trong việc xây dựng chương trình, huy động nguồn lực, chia sẻ thông tin và theo dõi quá trình chuyển tiếp từ đào tạo đến việc làm. Điều này làm giảm hiệu quả của các nguồn lực hiện có và ảnh hưởng đến tính bền vững của quá trình thực hiện chính sách.

Một điểm hạn chế cốt lõi trong thực hiện chính sách đào tạo nghề không chỉ nằm ở từng chủ thể riêng lẻ mà ở cơ chế quản trị phối hợp giữa các chủ thể. Khi gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cơ quan quản lý chưa được kết nối thông qua một cơ chế phối hợp ổn định, hiệu quả thực hiện chính sách khó đạt được như kỳ vọng, dù từng chủ thể đều có những nỗ lực nhất định.

“Nhà nước cần quan tâm hơn đến vấn đề đào tạo nghề và cho trẻ nhiều hơn. Hiện nay các trung hỗ trợ dạy nghề cho trẻ tự kỷ đều hoạt động riêng lẻ và độc lập nên số lượng trẻ được đào tạo nghề khá ít. Việc nhà nước hỗ trợ chính sách giảng dạy, tài chính hay mở một trường nghề đào tạo riêng biệt để có thể đào tạo cho các bạn tự kỷ vị thành niên, khi đó được các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp hay doanh nghiệp tuyển dụng, giúp các bạn tự tin và có thể làm việc, đóng góp cho xã hội có ý nghĩa rất quan trọng”. (Nữ, Lãnh đạo, trung tâm SEED).

Nghiên cứu cho thấy nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho trẻ RLPTK không đơn thuần là mở rộng các chương trình đào tạo nghề hay tăng đầu tư nguồn lực, mà là quá trình củng cố năng lực của toàn bộ hệ thống thực hiện chính sách. Điều đó đòi hỏi sự chuyển dịch từ cách tiếp cận hỗ trợ từng hoạt động đơn lẻ sang cách tiếp cận xây dựng một hệ thống thực hiện chính sách đồng bộ,

trong đó thiết kế chính sách, năng lực thực thi và quản trị phối hợp được xem là ba trụ cột quyết định hiệu quả của chính sách.

Ngoài ra, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, trung tâm giáo dục đặc biệt, doanh nghiệp và tổ chức xã hội trong công tác đào tạo nghề cho trẻ RLPTK còn chưa chặt chẽ. Hiện nay chưa có cơ chế kết nối hiệu quả giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp nhằm tạo cơ hội thực tập và việc làm cho trẻ tự kỷ sau đào tạo. Đây là một trong những nguyên nhân khiến nhiều trẻ sau khi hoàn thành khóa học nghề vẫn khó tìm được việc làm phù hợp.

4. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ RLPTK chịu tác động đồng thời của ba nhóm yếu tố: mức độ hoàn thiện của hệ thống chính sách, năng lực thực hiện của các cơ sở đào tạo và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia thực hiện chính sách. Ba nhóm yếu tố này không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ tương tác chặt chẽ, cùng quyết định mức độ hiện thực hóa mục tiêu của chính sách.

Điểm đáng chú ý của nghiên cứu là các khó khăn được phản ánh từ kết quả nghiên cứu không đơn thuần là những hạn chế về nguồn lực, mà phản ánh những điểm nghẽn trong quá trình thực hiện chính sách. Việc thiếu các quy định chuyên biệt, hạn chế nguồn lực giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính cũng như sự phối hợp giữa gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cơ quan quản lý là những khó khăn trong cơ chế liên kết bền vững và hiệu quả trong đào tạo nghề.

Thêm vào đó, hiệu quả thực hiện chính sách không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của từng chủ thể mà còn phụ thuộc vào khả năng vận hành của toàn bộ hệ thống thực hiện chính sách. Đây cũng là điểm khác biệt giữa cách tiếp cận của nghiên cứu này với nhiều nghiên cứu trước đây vốn chủ yếu tập trung vào giáo dục đặc biệt hoặc hỗ trợ nghề nghiệp ở cấp độ cơ sở. Thay vì xem các khó khăn như những vấn đề riêng lẻ, nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ thực hiện chính sách xã hội, qua đó chỉ ra rằng hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp

là kết quả của sự tương tác giữa thiết kế chính sách, năng lực thực thi và quản trị phối hợp.

Từ góc độ lý luận, nghiên cứu góp phần khẳng định rằng đào tạo nghề cho trẻ RLPTK không chỉ là một hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà còn là một câu phân quan trọng của chính sách an sinh xã hội bền vững đối với trẻ RLPTK.

5. Hàm ý chính sách và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho trẻ RLPTK cần được tiếp cận theo hướng củng cố năng lực của toàn bộ hệ thống thực hiện chính sách, thay vì chỉ tập trung vào từng giải pháp riêng lẻ, cụ thể cần: Thứ nhất, hoàn thiện thiết kế chính sách theo hướng chuyên biệt và đồng bộ, xem xét bổ sung các quy định chuyên biệt về đào tạo nghề đối với trẻ RLPTK trong hệ thống chính sách về người khuyết tật và giáo dục nghề nghiệp. Nội dung chính sách cần bao quát toàn bộ quá trình chuyển tiếp từ đào tạo đến hỗ trợ tiếp cận việc làm cũng như các chính sách cụ thể với các trung tâm đào tạo nghề, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng lao động RLPTK.

Thứ hai, nâng cao năng lực thực hiện của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Cần xây dựng khung chương trình đào tạo theo hướng cá nhân hóa đặc điểm của trẻ RLPTK. Bên cạnh đó, cần có cơ chế đầu tư ổn định nhằm cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện tổ chức các hoạt động thực hành nghề.

Thứ ba, tăng cường quản trị phối hợp trong thực hiện chính sách giữa gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và cơ quan quản lý nhà nước. Trong đó, gia đình cần được xem là đối tác đồng hành trong quá trình giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp cần được khuyến khích tham gia đào tạo, thực tập và tuyển dụng, cơ quan quản lý giữ vai trò điều phối, kết nối và giám sát quá trình thực hiện chính sách.

Thứ tư, xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá việc thực hiện chính sách. Bên cạnh việc ban hành chính sách, cần thiết lập cơ chế giám sát,

đánh giá định kỳ đối với các chương trình đào tạo nghề trên cơ sở các chỉ số về chất lượng đào tạo, khả năng chuyển tiếp sang việc làm, và đo lường được mức độ hòa nhập xã hội của trẻ sau đào tạo. Đây là cơ sở để điều chỉnh chính sách phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn.

6. Kết luận

Trẻ RLPTK là một nhóm đối tượng đặc thù cần được quan tâm không chỉ trong lĩnh vực y tế, giáo dục mà còn trong chính sách an sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực.

Những hạn chế trong đào tạo nghề cho trẻ RLPTK hiện nay không chỉ xuất phát từ khoảng trống của hệ thống chính sách mà còn liên quan đến năng lực thực hiện của các cơ sở đào tạo và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia thực hiện chính sách. Điều đó cho thấy hiệu quả của chính sách không phụ thuộc vào một yếu tố đơn lẻ mà là kết quả của sự tương tác giữa thiết kế chính sách, năng lực thực thi và quản trị phối hợp trong toàn bộ hệ thống thực hiện chính sách.

Nghiên cứu đề xuất định hướng hoàn thiện chính sách theo ba trụ cột gồm: hoàn thiện thiết kế chính sách, nâng cao năng lực thực hiện và tăng cường quản trị phối hợp giữa các chủ thể. Đây không chỉ là những hàm ý đối với lĩnh vực đào tạo nghề cho trẻ RLPTK mà còn góp phần củng cố cơ sở tham khảo cho quá trình hoàn thiện và thực hiện các chính sách an sinh xã hội hướng tới bảo đảm quyền được học nghề, tiếp cận việc làm và hòa nhập xã hội của người khuyết tật nói chung và trẻ RLPTK nói riêng.

Đào tạo nghề không chỉ giúp trẻ RLPTK có cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn góp phần giảm gánh nặng cho gia đình, thúc đẩy an sinh xã hội và xây dựng một xã hội nhân văn, bao trùm và phát triển bền vững. Việc nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách đào tạo nghề cho trẻ tự kỷ vì thế không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà cần có sự chung tay của toàn xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] World Health Organization (WHO), Autism Spectrum Disorders, WHO, 2023,

- <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/autism-spectrum-disorders> (accessed on: June 20th, 2026).
- [2] S. Wong, E. Napoli, P. Krakowiak, F. Tassone, I. H. Picciotto, C. Giulivi, Role of p53, Mitochondrial DNA Deletions, and Paternal Age in Autism: A Case-Control Study, *Pediatrics*, Vol. 137, No. 4, 2016, <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC4811322/> (accessed on: June 20th, 2026).
 - [3] N. H. Loan, T. T. Huong, Autism Syndrome in Children in Modern Society: Detection, Diagnosis, and Intervention, Vietnam National University Press, Hanoi, 2022, 417 pages (in Vietnamese).
 - [4] M. Rivard, A. Terroux, C. Parent-Boursier, C. Mercier, Determinants of Stress in Parents of Children with Autism Spectrum Disorders, *Journal of Autism and Developmental Disorders*, Vol. 44, No. 7, 2014, pp. 1609-1620, <https://doi.org/10.1007/s10803-013-2028-z>
 - [5] Government of the Socialist Republic of Vietnam, Decree No. 20/2021/NĐ-CP Dated March 15, 2021, Regulating Social Assistance Policies for Social Protection Beneficiaries, Government of the Socialist Republic of Vietnam, Hanoi, 2021 (in Vietnamese).
 - [6] Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs, Circular No. 01/2019/TT-BLĐTBXH Dated January 2, 2019, Regulating the Determination of Disability Levels by the Disability Level Determination Council, Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs, Hanoi, 2019 (in Vietnamese).
 - [7] Prime Minister of Vietnam, Directive No. 23/CT-TTg Dated May 26, 2020, on Strengthening Solutions for the Protection and Implementation of Children's Rights, Office of the Government, Hanoi, 2020 (in Vietnamese).
 - [8] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law No. 51/2010/QH12 Dated June 17, 2010, on Persons with Disabilities, National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Hanoi, 2010, (in Vietnamese).
 - [9] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law on Vocational Education (Law No. 74/2014/QH13, Dated November 27, 2014), National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Hanoi, 2014, (in Vietnamese).
 - [10] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Labor Code (Law No. 45/2019/QH14, Dated November 20, 2019), National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Hanoi, 2019, (in Vietnamese).
 - [11] Government of the Socialist Republic of Vietnam, Decree No. 15/2019/NĐ-CP Dated February 1, 2019, Detailing a Number of Articles and Measures for the Implementation of the Law on Vocational Education, Government of the Socialist Republic of Vietnam, Hanoi, 2019, (in Vietnamese).
 - [12] Prime Minister of Vietnam, Decision No. 1929/QĐ-TTg Dated November 25, 2021, Approving the Community-Based Social Assistance and Rehabilitation Program for Persons with Mental Illness, Children with Autism, and Persons with Mental Disorders for the 2021–2030 Period, Office of the Government, Hanoi, 2021 (in Vietnamese).
 - [13] Prime Minister of Vietnam, Decision No. 1190/QĐ-TTg Dated August 5, 2020, Approving the Assistance Program for Persons with Disabilities for the 2021–2030 Period, Office of the Government, Hanoi, 2020, (in Vietnamese).
 - [14] Ministry of Education and Training, Circular No. 27/2024/TT-BGDĐT Dated December 26, 2024, Promulgating the Regulation on the Organization and Operation of Schools and Classes for Persons with Disabilities, Ministry of Education and Training, Hanoi, 2024, (in Vietnamese).
 - [15] Ministry of Education and Training, Decision No. 2056/QĐ-BGDĐT Dated July 16, 2025, Promulgating the Plan for Implementing the Master Plan on the System of Specialized Educational Institutions for Persons with Disabilities and the System of Inclusive Education Development Support Centers for the 2021–2030 Period, with a Vision to 2050, Ministry of Education and Training, Hanoi, 2025, (in Vietnamese).